

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2019/HN-ST

Ngày: 20 - 8 - 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

2. Ông **Ngô Văn Mừng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng N** – Sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp LD, xã LD A, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2009, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến tháng 4 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng N.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L – Sinh ngày 24/6/2011, hiện đang sống với bà N, ông đồng ý để vợ tiếp tục nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông T và được triệu tập hợp lệ để giải quyết, bà N không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, nên không ghi ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bà N đã được triệu tập để tham gia phiên tòa, bà N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn bà N.

Về quan hệ con chung: Bà N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn L – Sinh ngày 24/6/2011, hiện đang sống với bà N. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ, cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng N có nơi cư trú ấp LĐ, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng bà vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng N là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh T sống chung vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông T yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, bà N đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của ông T, bà N không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của bà N đối với ông T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không

hạnh phúc. Do đó, việc ông T xin ly hôn bà N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Ông T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn L – Sinh ngày 24/6/2011 hiện đang sống với bà N, ông T đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, do bà N và cháu L vắng mặt không ghi nhận được ý kiến, nhưng trên cơ sở tự nguyện của ông T về việc để bà N tiếp tục nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

Theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản là 750.000đ, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Ông T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Nguyễn Thanh T** xin ly hôn bà **Nguyễn Thị Hồng N**.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn L – Sinh ngày 24/6/2011, hiện bà N đang nuôi dưỡng.

Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu L thành niên và tự lập được.

Bà Nguyễn Thị Hồng N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Ông T xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), cộng chung 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012911 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, ông T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- C cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Điền A;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức